

TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 29 tháng 7 năm 2026

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 34

Môn: Phần E.III - Kiến thức bổ trợ

Ngày thi: 26/7/2026

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Nông Thị Vân Anh	8,00	Tám	32	Hứa Văn Lập	7,75	Bảy phẩy bảy năm
2	Hoàng Thị Hoài Anh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	33	Nông Thùy Linh	7,25	Bảy phẩy hai năm
3	Hoàng Văn Biên	7,50	Bảy phẩy năm	34	Nguyễn Thị Linh	8,00	Tám
4	Triệu Thị Bình	8,00	Tám	35	Lương Quang Linh	7,00	Bảy
5	Nông Văn Chấn	7,50	Bảy phẩy năm	36	Nguyễn Thùy Mai	7,50	Bảy phẩy năm
6	Tô Quỳnh Châu	6,50	Sáu phẩy năm	37	Lý Thị Ngọc Mai	7,75	Bảy phẩy bảy năm
7	Nguyễn Đình Chiến	8,00	Tám	38	Phạm Đại Nam	8,00	Tám
8	Nông Văn Đạt	8,00	Tám	39	Linh Thị Ngà	7,75	Bảy phẩy bảy năm
9	Trần Thùy Dương	7,75	Bảy phẩy bảy năm	40	Nông Đình Nghĩa	7,50	Bảy phẩy năm
10	Ngân Bích Duyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	41	Bùi Thị Hồng Ngọc	7,75	Bảy phẩy bảy năm
11	Ngân Thế Duyệt	8,00	Tám	42	Nông Thị Hồng Ngọc	8,00	Tám
12	Lãnh Ngọc Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	43	Đào Ánh Nguyệt	8,25	Tám phẩy hai năm
13	Lê Thị Hiền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	44	Vi Thị Nhung	7,50	Bảy phẩy năm
14	Triệu Quang Hiệp	7,25	Bảy phẩy hai năm	45	Hoàng Thị Hồng Nhung	7,75	Bảy phẩy bảy năm
15	Nông Thị Hiệu	7,50	Bảy phẩy năm	46	Vi Minh Quang	8,00	Tám
16	Nông Trịnh Hồ	7,00	Bảy	47	Tô Thị Quyên	8,00	Tám
17	Hà Mộng Hoa	8,00	Tám	48	Đinh Văn Tập	7,25	Bảy phẩy hai năm
18	Lương Văn Hợi	7,00	Bảy	49	Nguyễn Hữu Thắng	7,50	Bảy phẩy năm
19	Nông Thị Thúy Hồng	8,00	Tám	50	Long Văn Thành	8,00	Tám
20	Đàm Thị Thu Huế	8,00	Tám	51	Đàm Hải Thao		Không đủ điều kiện thi
21	Vũ Thu Hương	8,00	Tám	52	Nông Thị Minh Thu	7,75	Bảy phẩy bảy năm
22	Nông Thu Hương	8,25	Tám phẩy hai năm	53	Đặng Thanh Thùy	8,25	Tám phẩy hai năm
23	Đinh Thị Huyền	8,00	Tám	54	Đàm Thị Thủy	7,50	Bảy phẩy năm

Handwritten signature

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
24	Đàm Thị Huyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	55	Lê Thanh Thủy	8,00	Tám
25	Ma Thị Huyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	56	Đàm Thanh Tình	7,75	Bảy phẩy bảy năm
26	Cao Thanh Kiều	7,75	Bảy phẩy bảy năm	57	Thang Thành Trung	7,75	Bảy phẩy bảy năm
27	Lục Hồng Kỳ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	58	Nguyễn Minh Tuấn	7,50	Bảy phẩy năm
28	Phùng Thị Hồng Lan	8,25	Tám phẩy hai năm	59	Phạm Minh Tuấn	7,50	Bảy phẩy năm
29	Thân Thị Lan	7,50	Bảy phẩy năm	60	Lưu Đức Tùng	7,75	Bảy phẩy bảy năm
30	Lâm Thị Lan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	61	Trần Văn Việt	8,00	Tám
31	Nguyễn Thị Hoàng Lan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	62	Nguyễn Thị Xuân		Thôi học

GHI ĐIỂM



Đoàn Thị Kim Liên

**PHÒNG QLĐT, BD VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Trương Thị Phương

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Hoàng Việt Hưng